

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ  
CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ   | 5 - 6   |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023  | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023           | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023    | 14 - 40 |
| 8. Phụ lục   | 41 - 43 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301307933, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 3854 7100
- Fax : (84-28) 3855 5682

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị  | Địa chỉ  |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Giồng Cholimex - Ninh Thuận | Lô B, Khu Sản xuất tôm giống, Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Thương mại Cholimex         | 631 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh                        |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thủy hải sản;
- Bán buôn đồ uống;
- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quây sạp. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh cho thuê văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, nhà nghỉ, khách sạn. Cho thuê nhà xưởng;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi (trừ kinh doanh kho bãi);
- Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai, nước giải khát trái cây, nước giải khát có gas (không sản xuất nước giải khát ở các khu dân cư tập trung tại TP. Hồ Chí Minh);
- Dịch vụ văn phòng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

| Họ và tên               | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------------|--------------|---------------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Nhân  | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc       | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Huỳnh An Trung      | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Duy Hiệp         | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Bùi Minh Tuấn       | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Võ Văn Thân         | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Quang Thanh  | Thành viên   | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2023   |
| Bà Hoàng Thị Hồng Nhung | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2023     |

### Ban kiểm soát

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày tái bổ nhiệm                     |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Lê Thị Nguyệt Hằng | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Văn Hùng       | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Phan Quỳnh Anh     | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |

### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên          | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|--------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh An Trung | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lưu Thanh Danh | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Võ Văn Thân    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023     |
| Ông Diệp Nam Hải   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023     |

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh An Trung – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Huyình An Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023



Số: 1.1332/23/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2023, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) đang chờ phê duyệt quyết toán chuyên thể chính thức của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này có thể sẽ thay đổi khi quyết toán chuyên thể chính thức được duyệt.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>195.739.644.125</b> | <b>140.978.811.065</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>18.519.013.073</b>  | <b>3.627.935.522</b>   |
| 1. Tiền   | 111        |             | 3.919.013.073          | 3.627.935.522          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 14.600.000.000         | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>93.000.000.000</b>  | <b>79.500.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 93.000.000.000         | 79.500.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>81.984.222.651</b>  | <b>56.516.046.281</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 935.480.380            | 3.634.340.446          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 735.471.282            | 52.512.971             |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 80.313.270.989         | 52.829.192.864         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>2.174.546.095</b>   | <b>1.247.201.490</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 2.174.546.095          | 1.247.201.490          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>61.862.306</b>      | <b>87.627.772</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 19.862.306             | 45.627.772             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.14        | 42.000.000             | 42.000.000             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             |                          |                          |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>1.107.348.366.729</b> | <b>1.103.062.788.548</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>67.271.167.524</b>    | <b>67.271.167.524</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 67.271.167.524           | 67.271.167.524           |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>6.369.469.484</b>     | <b>6.723.332.155</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 6.322.919.484            | 6.666.807.155            |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 14.863.140.854           | 15.063.595.400           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (8.540.221.370)          | (8.396.788.245)          |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 46.550.000               | 56.525.000               |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 159.600.000              | 159.600.000              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (113.050.000)            | (103.075.000)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>V.10</b> | <b>55.501.457.792</b>    | <b>56.467.722.304</b>    |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 74.700.565.506           | 74.700.565.506           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (19.199.107.714)         | (18.232.843.202)         |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>207.139.855.451</b>   | <b>206.894.855.451</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 207.139.855.451          | 206.894.855.451          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>765.529.373.349</b>   | <b>759.447.333.349</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.2b        | 225.209.443.667          | 225.209.443.667          |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 517.608.274.574          | 513.348.274.574          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 23.568.106.800           | 21.746.066.800           |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (856.451.692)            | (856.451.692)            |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>5.537.043.129</b>     | <b>6.258.377.765</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 5.537.043.129            | 6.258.377.765            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | -                        | -                        |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.303.088.010.854</b> | <b>1.244.041.599.613</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>40.219.239.597</b> | <b>15.251.843.221</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>32.570.330.934</b> | <b>7.202.305.053</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 162.637.186           | 2.733.486.683         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 360.000               | 476.000               |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 427.300.924           | 1.264.729.195         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.15        | 2.668.301.243         | 1.955.818.410         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | 185.541.000           | 329.876.565           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a,c     | 26.174.513.399        | 914.980.451           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                     | -                     |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 2.951.677.182         | 2.937.749             |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>7.648.908.663</b>  | <b>8.049.538.168</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16b,c     | 1.805.624.740         | 1.933.170.000         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        | V.18        | 5.843.283.923         | 6.116.368.168         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|  |            |             |                          |                          |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>1.262.868.771.257</b> | <b>1.228.789.756.392</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>1.262.868.771.257</b> | <b>1.228.789.756.392</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.19        | 866.000.000.000          | 866.000.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 866.000.000.000          | 866.000.000.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.19        | 212.702.300.446          | 174.699.119.956          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.19        | 184.166.470.811          | 188.090.636.436          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 118.365.125.277          | 188.090.636.436          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 65.801.345.534           | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>1.303.088.010.854</b> | <b>1.244.041.599.613</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Hồ Phương Linh  
Người lập



Võ Văn Đầy  
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 9.723.200.120                     | 14.777.071.605        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 232.853.861                       | 200.753.608           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 9.490.346.259                     | 14.576.317.997        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 4.467.636.081                     | 8.820.469.990         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 5.022.710.178                     | 5.755.848.007         |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 75.392.309.142                    | 73.023.366.097        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    |             | -                                 | -                     |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -                                 | -                     |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 1.283.122.628                     | 1.384.281.434         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 13.431.941.058                    | 13.255.484.830        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 65.699.955.634                    | 64.139.447.840        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 101.455.901                       | 1.247.371             |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 66.001                            | 35                    |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 101.389.900                       | 1.247.336             |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 65.801.345.534                    | 64.140.695.176        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.14        | -                                 | -                     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>65.801.345.534</u>             | <u>64.140.695.176</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | -                                 | -                     |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.8        | -                                 | -                     |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hồ Phương Linh  
Người lập

Võ Văn Đầy  
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh          | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|--|-----------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------|
|  |           |                      | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                      |                                   |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                      | 65.801.345.534                    | 64.140.695.176          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                      |                                   |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.8, V.9, V.10, V.18 | 1.374.206.601                     | 1.364.928.614           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                      | -                                 | -                       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                      | -                                 | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.4, VI.7           | (75.434.571.302)                  | (73.018.280.214)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |                      | -                                 | -                       |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                      | -                                 | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                      | (8.259.019.167)                   | (7.512.656.424)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                      | 1.986.037.072                     | 460.595.920             |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                      | (927.344.605)                     | 1.364.783.920           |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                      | (3.537.354.147)                   | (69.937.986.621)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                      | 747.100.102                       | 285.392.457             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                      | -                                 | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |                      | -                                 | -                       |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |                      | -                                 | -                       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                      | -                                 | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.17, V.18           | (3.246.209.445)                   | (4.865.564.753)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                      | <b>(13.236.790.190)</b>           | <b>(80.205.435.501)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                      |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.8                  | (119.545.454)                     | -                       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | V.8, VI.7            | 45.454.545                        | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2a                 | (23.500.000.000)                  | (10.000.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        | V.2a                 | 10.000.000.000                    | 31.300.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | V.2b                 | (6.082.040.000)                   | (3.550.000.000)         |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                      | -                                 | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.5a, VI.4           | 47.934.903.315                    | 60.277.028.081          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                      | <b>28.278.772.406</b>             | <b>78.027.028.081</b>   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |              | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |              |                                   |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |              | -                                 | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |              | -                                 | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |              | -                                 | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |              | -                                 | -                      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |              | -                                 | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.16a, V.19a | (150.904.665)                     | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |              | <b>(150.904.665)</b>              | <b>-</b>               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>50</b> |              | <b>14.891.077.551</b>             | <b>(2.178.407.420)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>   | <b>3.627.935.522</b>              | <b>8.262.042.743</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |              | -                                 | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>70</b> | <b>V.1</b>   | <b>18.519.013.073</b>             | <b>6.083.635.323</b>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hồ Phương Linh  
Người lập

Võ Văn Đầy  
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quây sạp; Kinh doanh cho thuê văn phòng; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ cho thuê kho bãi; Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn thực phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính  | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc                    | Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất, mua bán điện năng; Khai thác, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất; Đại lý kinh doanh xăng dầu. | 100,00%       | 100,00%       | 100,00%                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex <sup>(i)</sup> | Lô C71/II Đường số 6, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.       | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.  | 48,84%        | 75,03%        | 75,03%                 |

<sup>(i)</sup> Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex được đổi tên từ Công ty Cổ phần May Cholimex (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 20 tháng 5 năm 2021). Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex với tỷ lệ góp vốn là 26,19%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## Các công ty liên kết

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|--|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex   | Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Sản xuất, chế biến, gia công và mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy sản các loại, nuôi trồng thủy hải sản. | 40,72%        | 40,72%            | 40,72%                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức <sup>(i)</sup> | Áp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.   | Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.  | 10,00%        | 24,00%            | 24,00%                 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình        | 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.   | Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.  | 20,05%        | 20,05%            | 20,05%                 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành <sup>(ii)</sup>                         | Lô II.11, Đường số 5, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.               | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.  | 26,00%        | 36,00%            | 36,00%                 |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc   | Một phần lô I.9, Đường số 5, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.        | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.   | 35,50%        | 35,50%            | 35,50%                 |

(i) Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức với tỷ lệ góp vốn là 14,00%.

(ii) Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành với tỷ lệ góp vốn là 10,00%.

## Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị  | Địa chỉ   |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Tôm giống Cholimex - Ninh Thuận | Lô B, Khu Sản xuất tôm giống, Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Thương mại Cholimex             | 631 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.                        |

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 41 nhân viên).



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, tiền thuê đất và lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (06 năm).

## **Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 50            |
| Máy móc và thiết bị             | 06 - 25       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08       |

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất           | 50            |
| Nhà                         | 20 - 50       |
| Cơ sở hạ tầng               | 10 - 20       |

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định (tối đa 10% thu nhập tính thuế trong kỳ) và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

## 15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

## 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

## **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt   | 405.667.398           | 77.028.575           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn  | 3.513.345.675         | 3.550.906.947        |
| Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | 14.600.000.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>18.519.013.073</b> | <b>3.627.935.522</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|   | Số cuối kỳ             |                      |                 | Số đầu năm             |                      |                 |
|---|------------------------|----------------------|-----------------|------------------------|----------------------|-----------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá trị hợp lý  | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá trị hợp lý  |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>   | <b>225.209.443.667</b> | -                    | -               | <b>225.209.443.667</b> | -                    | -               |
| Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc <sup>(i)</sup>                                      | 225.209.443.667        | -                    | -               | 225.209.443.667        | -                    | -               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex <sup>(ii)</sup>                                 | -                      | -                    | -               | -                      | -                    | -               |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>  | <b>517.608.274.574</b> | <b>(856.451.692)</b> | <b>-</b>        | <b>513.348.274.574</b> | <b>(856.451.692)</b> | <b>-</b>        |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex <sup>(iii)</sup>   | 296.820.000.000        | -                    | 597.267.800.000 | 296.820.000.000        | -                    | 643.110.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình <sup>(iv)</sup> | 174.066.016.200        | -                    | 210.521.080.000 | 174.066.016.200        | -                    | 209.017.358.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức <sup>(v)</sup>          | 3.477.258.374          | -                    | -               | 3.477.258.374          | -                    | -               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc- Bến Thành <sup>(vi)</sup>                                   | 17.680.000.000         | <b>(856.451.692)</b> | <b>-</b>        | 17.680.000.000         | <b>(856.451.692)</b> | <b>-</b>        |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc <sup>(vii)</sup>   | 25.565.000.000         | -                    | -               | 21.305.000.000         | -                    | -               |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

|   | Số cuối kỳ                           |          |                | Số đầu năm                           |          |                |
|---|--------------------------------------|----------|----------------|--------------------------------------|----------|----------------|
|   | Giá gốc                              | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc                              | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                             |                                      |          |                |                                      |          |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex <sup>(viii)</sup>     | 23.568.106.800                       | -        | -              | 21.746.066.800                       | -        | -              |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long <sup>(ix)</sup>       | 2.382.866.800                        | -        | -              | 2.382.866.800                        | -        | -              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn <sup>(x)</sup> | 21.185.240.000                       | -        | -              | 19.363.200.000                       | -        | -              |
|   | -                                    | -        | -              | -                                    | -        | -              |
| <b>Cộng</b>   | <b>766.385.825.041 (856.451.692)</b> |          |                | <b>760.303.785.041 (856.451.692)</b> |          |                |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305073316 ngày 03 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc số tiền 36.433.071.993 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 325.325.237.466 VND. Năm 2017, Công ty đã điều chuyển vốn đầu tư đến bù đất và các chi phí khác có liên quan của hai dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng và Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A từ Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc về Công ty với tổng trị giá là 100.115.793.799 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 57/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2017. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc là 225.209.443.667 VND tương đương 100% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304424152 ngày 21 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex (trước đây là Công ty Cổ phần May Cholimex) là số tiền 7.472.000.000 VND, tương đương 48,84% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc còn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex 4.007.070.000 VND, tương đương 26,19% vốn điều lệ. Do tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp chiếm 75,03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex nên khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục đầu tư vào công ty con. Khoản đầu tư này của Công ty được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 0 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304475742 ngày 19 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex số tiền 41.820.000.000 VND, nắm giữ 3.298.000 cổ phiếu, tương đương 40,72% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 296.820.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464904 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình số tiền 23.110.010.000 VND, nắm giữ 4.622.002 cổ phiếu, tương đương 19,26% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 101.684.044.000 VND, tuy nhiên theo Báo cáo kiểm toán ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước thì khoản đầu tư này được định giá lại tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 139.122.260.200 VND. Năm 2017, Công ty mua thêm 671.100 cổ phiếu với giá mua đã trừ cổ tức được chia là 17.640.956.000 VND. Năm 2019, Công ty mua thêm 721.786 cổ phiếu với giá mua đã trừ cổ tức được chia là 17.302.800.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 6.014.888 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình với giá trị đầu tư là 174.066.016.200 VND, tương đương 20,05% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100839263 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức số tiền 12.000.000.000 VND, nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc còn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức 16.800.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ. Do tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp chiếm 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức nên khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày ở khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Khoản đầu tư này của Công ty được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 3.477.258.374 VND.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315958861 đăng ký lần đầu ngày ngày 14 tháng 10 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành số tiền 17.680.000.000 VND, nắm giữ 1.768.000 cổ phiếu, tương đương 26% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316114557 ngày 16 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc số tiền 95.140.000.000 VND, tương đương 35,5% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty góp vốn thêm với số tiền là 4.260.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc số tiền 25.565.000.000 VND, nắm giữ 2.556.500 cổ phiếu, tương đương 9,54% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc là 69.575.000.000 VND.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305412784 ngày 29 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex số tiền 5.502.000.000 VND, nắm giữ 550.200 cổ phiếu, tương đương 18,34% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này của Công ty được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 2.382.866.800 VND.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900989442 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Trong kỳ, Công ty góp vốn thêm với số tiền là 1.822.040.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long số tiền 21.185.240.000 VND, nắm giữ 2.004.246 cổ phiếu, tương đương 9,18% vốn điều lệ.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311461726 ngày 03 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn số tiền 2.000.000.000 VND, nắm giữ 200.000 cổ phiếu, tương đương 15,38% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này của Công ty được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 0 VND.

### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

- Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex: đã thanh lý nhà xưởng hiện đang chuyển sang hoạt động cung ứng dịch vụ.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành: đang trong quá trình xây dựng nhà hàng.
- Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc: đang trong giai đoạn xin giấy phép chưa tiến hành hoạt động.
- Các công ty con và công ty liên kết còn lại hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|            | <u>Kỳ này</u>      | <u>Kỳ trước</u> |
|------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 856.451.692        | -               |
| Số cuối kỳ | <b>856.451.692</b> | -               |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

|  | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                  |
|--|--|------------------|
|  | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u> |
| <b>Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc</b>                                     |  |                  |
| Cho thuê kho   | 1.835.913.600                            | 1.670.887.440    |
| Bán hàng   | 27.740.259                               | 9.736.364        |
| Phí quản lý nhãn hiệu hàng hóa   | 20.000.000                               | 20.000.000       |
| Lợi nhuận được chia  | 42.176.235.357                           | 43.312.811.859   |
| <b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex</b>  |  |                  |
| Bán hàng   | 66.825.000                               | 13.938.821       |
| Cung cấp dịch vụ   | 259.277.280                              | 261.004.950      |
| Phí quản lý nhãn hiệu hàng hóa   | 80.000.000                               | 80.000.000       |
| Phí sử dụng xe nâng  | 25.500.000                               | 30.000.000       |
| Mua hàng   | 662.950.232                              | 1.037.772.610    |
| Cổ tức được chia   | 16.490.000.000                           | 16.490.000.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình</b> |  |                  |
| Cổ tức được chia   | 10.526.054.000                           | 7.518.610.000    |
| <b>Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex</b>                                 |  |                  |
| Bán hàng   | 43.283.507                               | 12.908.658       |
| Nhận cung cấp dịch vụ  | 365.872.700                              | 396.872.958      |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức</b>         |  |                  |
| Cổ tức được chia   | 3.000.000.000                            | 3.000.000.000    |

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u>    |
|---|--------------------|----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                                   | <b>85.492.171</b>  | <b>172.210.444</b>   |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex                                  | -                  | 52.988.299           |
| Công ty Cổ phần Transimex   | -                  | 25.440.000           |
| Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản  | 85.492.171         | 93.782.145           |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                                 | <b>849.988.209</b> | <b>3.462.130.002</b> |
| Công ty Phát hành Báo chí Trung ương                                | -                  | 1.310.579.000        |
| Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP. Hồ Chí Minh                  | -                  | 752.350.000          |
| Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một thành viên | -                  | 490.000.000          |
| Công đoàn Cơ sở Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh | -                  | 367.650.000          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư T&A   | 194.640.281               | -                           |
| Công ty TNHH Tư vấn Hằng Sinh  | 114.028.618               | -                           |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận<br>- Nhà hàng Hoa Viên Tri Kỳ | 102.414.600               | -                           |
| Các khách hàng khác  | 438.904.710               | 566.991.002                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>935.480.380</u></b> | <b><u>3.634.340.446</u></b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>        |
|--|---------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist | 388.488.700               | -                        |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Niên Xung Phong  | 135.600.000               | -                        |
| Công ty TNHH Pacisoft Việt Nam                 | 75.330.000                | -                        |
| Công ty TNHH Paldo Vina                        | -                         | 30.012.971               |
| Các nhà cung cấp khác                          | 136.052.582               | 22.500.000               |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>735.471.282</u></b> | <b><u>52.512.971</u></b> |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            |                 | <u>Số đầu năm</u>            |                 |
|---|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
|   | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u> |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                                   | <b>76.060.211.293</b>        | <b>-</b>        | <b>49.513.975.936</b>        | <b>-</b>        |
| Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Lợi nhuận được chia | 76.060.211.293               | -               | 49.513.975.936               | -               |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>                     | <b>4.253.059.696</b>         | <b>-</b>        | <b>3.315.216.928</b>         | <b>-</b>        |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu                                   | 3.992.821.916                | -               | 3.084.843.831                | -               |
| Ký quỹ ngắn hạn   | 8.000.000                    | -               | 8.000.000                    | -               |
| Tạm ứng   | 109.000.000                  | -               | 116.996.000                  | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                                | 143.237.780                  | -               | 105.377.097                  | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>80.313.270.989</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>52.829.192.864</u></b> | <b><u>-</u></b> |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản phải thu cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc (bên liên quan).

**6. Hàng tồn kho**

|                  | <u>Số cuối kỳ</u>           |                 | <u>Số đầu năm</u>           |                 |
|------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
|                  | <u>Giá gốc</u>              | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>              | <u>Dự phòng</u> |
| Công cụ, dụng cụ | 19.339.285                  | -               | 29.362.267                  | -               |
| Thành phẩm       | -                           | -               | 59.829.244                  | -               |
| Hàng hóa         | 2.155.206.810               | -               | 1.158.009.979               | -               |
| <b>Cộng</b>      | <b><u>2.174.546.095</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>1.247.201.490</u></b> | <b><u>-</u></b> |

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                    | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ   | 400.376.376                 | 455.858.270                 |
| Chi phí sửa chữa   | 600.880.947                 | 620.682.793                 |
| Tiền thuê đất      | -                           | 8.000.000                   |
| Lợi thế kinh doanh | 4.535.785.806               | 5.173.836.702               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>5.537.043.129</u></b> | <b><u>6.258.377.765</u></b> |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|  | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải, truyền<br/>dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>                  |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                               | 7.319.990.892                     | 2.289.329.000                  | 4.983.283.153                                  | 470.992.355                          | 15.063.595.400               |
| Mua trong kỳ                             | -                                 | 119.545.454                    | -  | -                                    | 119.545.454                  |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                                 | -                              | (320.000.000)                                  | -                                    | (320.000.000)                |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b><u>7.319.990.892</u></b>       | <b><u>2.408.874.454</u></b>    | <b><u>4.663.283.153</u></b>                    | <b><u>470.992.355</u></b>            | <b><u>14.863.140.854</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                                 | 890.639.000                    | -  | 154.545.455                          | 1.045.184.455                |
| Chờ thanh lý                             | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                               | 3.787.984.468                     | 1.703.044.434                  | 2.574.064.049                                  | 331.695.294                          | 8.396.788.245                |
| Khấu hao trong kỳ                        | 91.579.932                        | 60.513.673                     | 274.413.672                                    | 36.925.848                           | 463.433.125                  |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                                 | -                              | (320.000.000)                                  | -                                    | (320.000.000)                |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b><u>3.879.564.400</u></b>       | <b><u>1.763.558.107</u></b>    | <b><u>2.528.477.721</u></b>                    | <b><u>368.621.142</u></b>            | <b><u>8.540.221.370</u></b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                               | <u>3.532.006.424</u>              | <u>586.284.566</u>             | <u>2.409.219.104</u>                           | <u>139.297.061</u>                   | <u>6.666.807.155</u>         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b><u>3.440.426.492</u></b>       | <b><u>645.316.347</u></b>      | <b><u>2.134.805.432</u></b>                    | <b><u>102.371.213</u></b>            | <b><u>6.322.919.484</u></b>  |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |
| Đang chờ thanh lý                        | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

|                   | <u>Nguyên giá</u>         | <u>Giá trị hao mòn</u>    | <u>Giá trị còn lại</u>   |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm        | 159.600.000               | 103.075.000               | 56.525.000               |
| Khấu hao trong kỳ | -                         | 9.975.000                 | -                        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b><u>159.600.000</u></b> | <b><u>113.050.000</u></b> | <b><u>46.550.000</u></b> |

**10. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

|                                       | <u>Quyền<br/>sử dụng đất</u> | <u>Nhà</u>                   | <u>Cơ sở hạ tầng</u>      | <u>Cộng</u>                  |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                              |                              |                           |                              |
| Số đầu năm                            | 26.706.606.000               | 47.775.479.081               | 218.480.425               | 74.700.565.506               |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b><u>26.706.606.000</u></b> | <b><u>47.775.479.081</u></b> | <b><u>218.480.425</u></b> | <b><u>74.700.565.506</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                              |                           |                              |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn<br>cho thuê | -                            | -                            | -                         | -                            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

|                        | Quyền<br>sử dụng đất  | Nhà                   | Cơ sở hạ tầng      | Cộng                  |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                       |                       |                    |                       |
| Số đầu năm             | 4.391.090.471         | 13.659.252.059        | 182.500.672        | 18.232.843.202        |
| Khấu hao trong kỳ      | 288.975.426           | 670.006.406           | 7.282.680          | 966.264.512           |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>4.680.065.897</b>  | <b>14.329.258.465</b> | <b>189.783.352</b> | <b>19.199.107.714</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                       |                       |                    |                       |
| Số đầu năm             | 22.315.515.529        | 34.116.227.022        | 35.979.753         | 56.467.722.304        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>22.026.540.103</b> | <b>33.446.220.616</b> | <b>28.697.073</b>  | <b>55.501.457.792</b> |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|   | Nguyên giá            | Hao mòn lũy kế        | Giá trị còn lại       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất tại 1368 Võ Văn Kiệt, Phường 13, Quận 5 | 26.706.606.000        | 4.680.065.897         | 22.026.540.103        |
| Nhà văn phòng   | 31.769.897.504        | 6.883.137.861         | 24.886.759.643        |
| Trại tôm giống Ninh Thuận                                 | 6.529.855.017         | 1.895.988.530         | 4.633.866.487         |
| Kho hàng tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc                     | 9.475.726.560         | 5.550.132.074         | 3.925.594.486         |
| Cơ sở hạ tầng   | 218.480.425           | 189.783.352           | 28.697.073            |
| <b>Cộng</b>   | <b>74.700.565.506</b> | <b>19.199.107.714</b> | <b>55.501.457.792</b> |

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Số đầu năm             | Chi phí phát sinh trong kỳ | Số cuối kỳ             |
|---|------------------------|----------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định sử dụng nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ  | -                      | 245.000.000                | 245.000.000            |
| Xây dựng cơ bản dở dang   | 206.894.855.451        | -                          | 206.894.855.451        |
| <i>Dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng</i>                               | <i>139.527.622.465</i> | <i>-</i>                   | <i>139.527.622.465</i> |
| <i>Dự án Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A</i>                              | <i>64.057.148.723</i>  | <i>-</i>                   | <i>64.057.148.723</i>  |
| <i>Dự án Cao ốc phức hợp Cholimex, Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i> | <i>3.310.084.263</i>   | <i>-</i>                   | <i>3.310.084.263</i>   |
| <b>Cộng</b>   | <b>206.894.855.451</b> | <b>245.000.000</b>         | <b>207.139.855.451</b> |

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau với tổng số tiền là 47.732.393.493 VND. Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng được chuyển các năm sau như sau:

|                      |                       |
|----------------------|-----------------------|
| Năm 2019             | 9.460.949.434         |
| Năm 2020             | 12.734.822.309        |
| Năm 2021             | 8.189.225.735         |
| Năm 2022             | 12.372.969.461        |
| 6 tháng đầu năm 2023 | 4.974.426.554         |
| <b>Cộng</b>          | <b>47.732.393.493</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| <b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>          | <b><i>132.310.838</i></b> | <b><i>868.558.481</i></b>   |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex                | -                         | 320.830.957                 |
| Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản                      | -                         | 477.347.974                 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Cholimex       | 132.310.838               | 70.379.550                  |
| <b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>      | <b><i>30.326.348</i></b>  | <b><i>1.864.928.202</i></b> |
| Bru điện TP. Hồ Chí Minh                          | -                         | 682.500.000                 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cửu Long Thanh | -                         | 627.209.154                 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green  | -                         | 358.160.000                 |
| Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản                      | -                         | 477.347.974                 |
| Các nhà cung cấp khác                             | 30.326.348                | 197.059.048                 |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>162.637.186</u></b> | <b><u>2.733.486.683</u></b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | <u>Số đầu năm</u>           |                          | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> |                               | <u>Số cuối kỳ</u>         |                          |
|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|
|                            | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>          | <u>Số phải nộp</u>           | <u>Số đã thực nộp</u>         | <u>Phải nộp</u>           | <u>Phải thu</u>          |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 126.646.920                 | -                        | 229.257.785                  | (315.681.555)                 | 40.223.150                | -                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                           | 42.000.000               | -                            | -                             | -                         | 42.000.000               |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.052.873.259               | -                        | 1.266.487.068                | (2.017.491.569)               | 301.868.758               | -                        |
| Thuế sử dụng đất           | 85.209.016                  | -                        | 63.418.740                   | (63.418.740)                  | 85.209.016                | -                        |
| Các loại thuế khác         | -                           | -                        | 5.000.000                    | (5.000.000)                   | -                         | -                        |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>1.264.729.195</u></b> | <b><u>42.000.000</u></b> | <b><u>1.564.163.593</u></b>  | <b><u>(2.401.591.864)</u></b> | <b><u>427.300.924</u></b> | <b><u>42.000.000</u></b> |

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Hàng tiêu thụ trong nước 05% hoặc 10%

### ***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|--|-----------------------------------|------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 65.801.345.534                    | 64.140.695.176   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 1.416.517.269                     | 1.210.952.065    |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                                 | -                |
| Thu nhập chịu thuế   | 67.217.862.803                    | 65.351.647.241   |
| Thu nhập được miễn thuế  | (72.192.289.357)                  | (70.321.421.859) |
| Thu nhập tính thuế   | (4.974.426.554)                   | (4.969.774.618)  |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                               | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>-</b>                          | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

## Thuế sử dụng đất

Thuế sử dụng đất được nộp theo thông báo của Cơ quan thuế.

## Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

## 16. Phải trả khác

### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

|   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm         |
|---|-----------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                                   | <b>20.641.657.800</b> | <b>600.000.000</b> |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh – Cổ tức phải trả | 12.730.200.000        | -                  |
| Công ty Cổ phần Transimex – Cổ tức phải trả                         | 7.822.140.000         | -                  |
| Các thành viên quản lý chủ chốt – Cổ tức phải trả                   | 75.817.800            | -                  |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải trả                 | 13.500.000            | 600.000.000        |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                         | <b>5.532.855.599</b>  | <b>314.980.451</b> |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn  | 31.900.000            | 40.900.000         |
| Cổ tức phải trả   | 5.375.017.986         | 174.080.451        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                    | 125.937.613           | 100.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>26.174.513.399</b> | <b>914.980.451</b> |

### 16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm       | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ       | Số cuối kỳ           |
|-----------------------------------|------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 2.937.749        | 4.306.748.002                  | (1.358.008.569)        | 2.951.677.182        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | -                | 1.435.582.667                  | (1.435.582.667)        | -                    |
| <b>Cộng</b>                       | <b>2.937.749</b> | <b>5.742.330.669</b>           | <b>(2.793.591.236)</b> | <b>2.951.677.182</b> |

## 18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

|   | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định | Cộng                 |
|---|--------------------------------------|--|----------------------|
| Số đầu năm  | 5.512.096.028                        | 604.272.140  | 6.116.368.168        |
| Chi quỹ trong kỳ này  | (207.618.209)                        | -  | (207.618.209)        |
| Đầu tư, mua sắm tài sản cố định dở dang (xem thuyết minh số V.11) | (245.000.000)                        | 245.000.000  | -                    |
| Hao mòn tài sản cố định   | -                                    | (65.466.036)   | (65.466.036)         |
| <b>Số cuối kỳ</b>   | <b>5.059.477.819</b>                 | <b>783.806.104</b>   | <b>5.843.283.923</b> |

## 19. Vốn chủ sở hữu

### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                  | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                     |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước              | 866.000.000.000        | 86.976.785.631         | 212.127.974.573                   | 1.165.104.760.204        |
| Lợi nhuận trong kỳ trước         | -                      | -                      | 64.140.695.176                    | 64.140.695.176           |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | -                      | 87.722.334.325         | (93.226.502.267)                  | (5.504.167.942)          |
| Chi nộp bổ sung cổ phần hóa      | -                      | -                      | (536.347.029)                     | (536.347.029)            |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b>       | <b>866.000.000.000</b> | <b>174.699.119.956</b> | <b>182.505.820.453</b>            | <b>1.223.204.940.409</b> |
| Số dư đầu năm nay                | 866.000.000.000        | 174.699.119.956        | 188.090.636.436                   | 1.228.789.756.392        |
| Lợi nhuận trong kỳ này           | -                      | -                      | 65.801.345.534                    | 65.801.345.534           |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này   | -                      | 38.003.180.490         | (43.745.511.159)                  | (5.742.330.669)          |
| Chia cổ tức, lợi nhuận           | -                      | -                      | (25.980.000.000)                  | (25.980.000.000)         |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>         | <b>866.000.000.000</b> | <b>212.702.300.446</b> | <b>184.166.470.811</b>            | <b>1.262.868.771.257</b> |

### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh | 424.340.000.000        | 424.340.000.000        |
| Công ty Cổ phần Transimex                         | 260.738.000.000        | 260.738.000.000        |
| Các cổ đông khác                                  | 180.922.000.000        | 180.922.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>866.000.000.000</b> | <b>866.000.000.000</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 19c. Cổ phiếu

|  | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 86.600.000        | 86.600.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 86.600.000        | 86.600.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 86.600.000        | 86.600.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                 | -                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -                 | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 86.600.000        | 86.600.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 86.600.000        | 86.600.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

|   |                              |
|---|------------------------------|
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 4.306.748.002                |
| • Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 1.435.582.667                |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển             | 38.003.180.490               |
| • Chia cổ tức tỷ lệ 3% mệnh giá           | 25.980.000.000               |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>69.725.511.159</u></b> |

## 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

### 20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                        | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 21.514.848                | 21.514.848                |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 86.059.392                | 86.059.392                |
| Trên 05 năm            | 376.509.840               | 387.267.264               |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>484.084.080</u></b> | <b><u>494.841.504</u></b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 283 m<sup>2</sup> đất tại 629B Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.033.602 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Tổng số tiền thuê 2.711 m<sup>2</sup> đất tại 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 19.481.246 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.

### 20b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1,70 USD (số đầu năm là 1,70 USD).

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 20c. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản phải thu được xóa sổ do không có khả năng thu hồi như sau:

|                                  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Chín              | 87.126.749            | 87.126.749            |
| Ông Trần Minh Hiếu               | 43.000.000            | 43.000.000            |
| Công ty TNHH Thiện Ân            | 8.732.498.580         | 8.732.498.580         |
| Công ty TNHH Toàn Thành          | 2.437.717.222         | 2.437.717.222         |
| Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Tân Sanh | 1.244.354.847         | 1.244.354.847         |
| Công ty TNHH Minh Việt Long      | 1.166.839.840         | 1.166.839.840         |
| Các khách hàng khác              | 4.827.434.849         | 4.827.434.849         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>18.538.972.087</b> | <b>18.538.972.087</b> |

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước             |
| Doanh thu bán hàng hóa                                  | 3.907.107.146                     | 8.076.971.792         |
| Doanh thu bán thành phẩm                                | 245.259.090                       | 1.143.741.112         |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư <sup>(i)</sup> | 5.450.833.884                     | 5.436.358.701         |
| Doanh thu khác  | 120.000.000                       | 120.000.000           |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.723.200.120</b>              | <b>14.777.071.605</b> |

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---|-----------------------------------|----------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước            |
| Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư                         | 5.450.833.884                     | 5.436.358.701        |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | (1.114.062.173)                   | (1.058.637.941)      |
| <b>Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư</b>                        | <b>4.336.771.711</b>              | <b>4.377.720.760</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

|                                     | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |             |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------|
|                                     | Năm nay                           | Năm trước   |
| <b>Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản</b> |                                   |             |
| Bán hàng                            | 183.091.555                       | 56.104.034  |
| <b>Công ty Cổ phần Transimex</b>    |                                   |             |
| Bán hàng                            | 9.562.273                         | 187.752.727 |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

|                       | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|-----------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                       | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chiết khấu thương mại | 231.963.701                       | 200.753.608        |
| Hàng bán bị trả lại   | 890.160                           | -                  |
| <b>Cộng</b>           | <b>232.853.861</b>                | <b>200.753.608</b> |

## 3. Giá vốn hàng bán

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán            | 3.164.630.045                     | 6.962.083.636        |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán          | 188.943.863                       | 799.748.413          |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 1.114.062.173                     | 1.058.637.941        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>4.467.636.081</b>              | <b>8.820.469.990</b> |

## 4. Doanh thu hoạt động tài chính

|                             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                             | Năm nay                           | Năm trước             |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn      | 3.196.827.400                     | 2.696.858.355         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 3.192.385                         | 5.085.883             |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 72.192.289.357                    | 70.321.421.859        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>75.392.309.142</b>             | <b>73.023.366.097</b> |

## 5. Chi phí bán hàng

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 242.221.154                       | 265.064.544          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 75.462.864                        | 78.707.213           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 46.375.849                        | 37.097.862           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 857.813.776                       | 968.303.466          |
| Các chi phí khác                 | 61.248.985                        | 35.108.349           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.283.122.628</b>              | <b>1.384.281.434</b> |

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí cho nhân viên            | 6.995.774.879                     | 7.223.208.711         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 849.380.062                       | 692.341.589           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 352.191.240                       | 352.191.240           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 5.000.000                         | 3.000.000             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.734.790.599                     | 3.349.095.990         |
| Các chi phí khác                 | 1.494.804.278                     | 1.635.647.300         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>13.431.941.058</b>             | <b>13.255.484.830</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 7. Thu nhập khác

|                                 | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước        |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng      | 56.000.000                        | -                |
| Thu về thanh lý tài sản cố định | 45.454.545                        | -                |
| Thu nhập khác                   | 1.356                             | 1.247.371        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>101.455.901</b>                | <b>1.247.371</b> |

## 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 924.842.926                       | 771.048.802           |
| Chi phí nhân công                | 7.237.996.033                     | 7.488.273.255         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.374.206.601                     | 1.364.928.614         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.592.604.375                     | 4.317.399.456         |
| Chi phí khác                     | 1.694.475.924                     | 1.756.754.078         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>15.824.125.859</b>             | <b>15.698.404.205</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 6.993.480.997         | 3.320.015.052        |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 4.033.179.200         | 2.650.500.000        |
| <b>Cộng</b>            | <b>11.026.660.197</b> | <b>5.970.515.052</b> |

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về trả cổ tức với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ với số tiền là 75.817.800 VND (cùng kỳ năm trước không phát sinh).

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

|                                | <u>Tiền lương</u>    | <u>Thù lao</u>     | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Kỳ này</b>                  |                      |                    |                      |
| Hội đồng quản trị              | 468.329.400          | 422.033.894        | 890.363.294          |
| Ban Tổng Giám đốc              | 1.233.124.200        | 76.271.186         | 1.309.395.386        |
| Ban Kiểm soát                  | 351.247.050          | 101.694.920        | 452.941.970          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>2.052.700.650</b> | <b>600.000.000</b> | <b>2.652.700.650</b> |
| <b>Kỳ trước <sup>(i)</sup></b> |                      |                    |                      |
| Hội đồng quản trị              | 456.165.000          | 422.033.894        | 878.198.894          |
| Ban Tổng Giám đốc              | 1.201.095.000        | 76.271.186         | 1.277.366.186        |
| Ban Kiểm soát                  | 342.123.750          | 101.694.920        | 443.818.670          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>1.999.383.750</b> | <b>600.000.000</b> | <b>2.599.383.750</b> |

(i) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát kỳ trước đã được trình bày loại trừ các khoản tiền lương, thù lao chi hộ.

## 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>   | <u>Mối quan hệ</u>                                 |
|---|--|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh                             | Đại diện cổ đông Nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ  |
| Công ty Cổ phần Transimex   | Cổ đông lớn nắm giữ 33,44% vốn điều lệ             |
| Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc                                     | Công ty con  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex                                 | Công ty con  |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex  | Công ty liên kết                                   |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình | Công ty liên kết                                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức         | Công ty liên kết                                   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành                                  | Công ty liên kết                                   |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc  | Công ty liên kết                                   |
| Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản  | Công ty có cùng một số thành viên quản lý chủ chốt |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|  | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--|------------------|
|  | <u>Năm nay</u>                           |                  |
| <b>Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh</b> |  |                  |
| Cổ tức phải trả  | 12.730.200.000                           | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Transimex</b>                         |  |                  |
| Cổ tức phải trả  | 7.822.140.000                            | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản</b>                      |  |                  |
| Mua hàng   | 117.965.322                              | 152.081.487      |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của loại hình kinh doanh và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê;
- Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 5. Thông tin khác

Theo Báo cáo kiểm toán ngày 01 tháng 6 năm 2020, Kiểm toán Nhà nước có yêu cầu Công ty báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa (trên cơ sở kết quả kiểm toán) trình Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần làm căn cứ để Công ty thực hiện nộp ngân sách Nhà nước theo quy định và điều chỉnh báo cáo quyết toán cổ phần hóa. Hiện nay Công ty đã hoàn thành việc nộp ngân sách Nhà nước trên cơ sở kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Hồ Phương Linh  
Người lập biểu



Võ Văn Đầy  
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | Lĩnh vực cho thuê    | Lĩnh vực bán hàng<br>hóa, thành phẩm, khác | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                  |
|---|----------------------|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Kỳ này</b>   |                      |  |                       |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 5.450.833.884        | 4.039.512.375                              | -                     | 9.490.346.259         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                    | -  | -                     | -                     |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>5.450.833.884</b> | <b>4.039.512.375</b>                       | <b>-</b>              | <b>9.490.346.259</b>  |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.336.771.711        | 685.938.467                                | -                     | 5.022.710.178         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                      |  |                       | (14.715.063.686)      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                      |  |                       | (9.692.353.508)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                      |  |                       | 75.392.309.142        |
| Chi phí tài chính   |                      |  |                       | -                     |
| Thu nhập khác   |                      |  |                       | 101.455.901           |
| Chi phí khác  |                      |  |                       | (66.001)              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                      |  |                       | -                     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                      |  |                       | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                      |  |                       | <b>65.801.345.534</b> |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>             | <b>-</b>                                   | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>966.264.512</b>   | <b>407.942.089</b>                         | <b>-</b>              | <b>1.374.206.601</b>  |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>                                   | <b>-</b>              | <b>-</b>              |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

|   | Lĩnh vực cho thuê    | Lĩnh vực bán hàng<br>hóa, thành phẩm, khác | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                  |
|---|----------------------|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Kỳ trước</b>   |                      |  |                       |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 5.436.358.701        | 9.139.959.296                              | -                     | 14.576.317.997        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                    | -  | -                     | -                     |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>5.436.358.701</b> | <b>9.139.959.296</b>                       | -                     | <b>14.576.317.997</b> |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.377.720.760        | 1.378.127.247                              | -                     | 5.755.848.007         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                      |  |                       | (14.639.766.264)      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                      |  |                       | (8.883.918.257)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                      |  |                       | 73.023.366.097        |
| Chi phí tài chính   |                      |  |                       | -                     |
| Thu nhập khác   |                      |  |                       | 1.247.371             |
| Chi phí khác  |                      |  |                       | (35)                  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                      |  |                       | -                     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                      |  |                       | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                      |  |                       | <b>64.140.695.176</b> |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | -                    | -  | -                     | -                     |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>966.264.512</b>   | <b>398.664.102</b>                         | -                     | <b>1.364.928.614</b>  |
| <br>  |                      |  |                       |                       |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | -                    | -  | -                     | -                     |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | Lĩnh vực cho thuê | Lĩnh vực bán hàng<br>hóa, thành phẩm | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                     |
|--|-------------------|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                        |                   |                                      |                       |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 9.209.732.642     | 55.843.423.691                       | -                     | 65.053.156.333           |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                   |                                      |                       | 1.238.034.854.521        |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                   |                                      |                       | <b>1.303.088.010.854</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | 19.345.700        | 1.837.524.740                        | -                     | 1.856.870.440            |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                   |                                      |                       | 38.362.369.157           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                   |                                      |                       | <b>40.219.239.597</b>    |
| <b>Số đầu năm</b>                        |                   |                                      |                       |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 11.589.113.763    | 56.535.995.603                       | -                     | 68.125.109.366           |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                   |                                      |                       | 1.175.916.490.247        |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                   |                                      |                       | <b>1.244.041.599.613</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | 2.634.126.485     | 2.548.150.451                        | -                     | 5.182.276.936            |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                   |                                      |                       | 10.069.566.285           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                   |                                      |                       | <b>15.251.843.221</b>    |

Hồ Phương Linh  
Người lập

Võ Văn Đầy  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Huỳnh An Trung  
Tổng Giám đốc

